

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /TTr-BHHK

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**TỜ TRÌNH**

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT  
Tổng Công Ty cổ phần Bảo hiểm hàng không

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán
- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Tổng Công ty.

Để đảm bảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các yêu cầu quản trị Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT, sửa đổi bổ sung (Chi tiết Bảng tổng hợp các nội dung chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TKPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Tuấn Dũng**

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

Quy chế hoạt động cũ	Quy chế hoạt động dự thảo	Lý do sửa đổi
<p><b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b></p> <p><b>Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và nguyên tắc hoạt động</b></p> <p>2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban TGD (gồm TGD và các Phó TGD) và lãnh đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty (bộ máy giúp việc của TGD) phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Pháp Luật.</p> <p>3. Các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Tổng Công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p><b>Điều 2. Thuật ngữ</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị được phân công theo dõi một số lĩnh vực, công việc cụ thể trong thời hạn nhất định theo sự phân công của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Bỏ khoản 2 vì các quy định này không bao hàm các hoạt động khác</p> <p>- Khoản 3 về thuật ngữ được đưa thành điều 2</p> <p>Bổ sung quy định về khái niệm thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách</p>

**Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tổng Công ty

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT được phân công theo dõi một số lĩnh vực, công việc cụ thể theo sự phân công của HĐQT và có trách nhiệm báo cáo HĐQT về kết quả thực hiện;

6. Thành viên HĐQT có quyền tham dự bất kỳ các phiên họp nào do TGD, Phó TGD chủ trì, miễn là không làm cản trở công việc điều hành của Ban TGD.

7. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD và bộ máy giúp việc của TGD cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị trong Tổng Công

Không đề cập do nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên hội đồng quản trị do đã tương ứng với nhiệm vụ quyền hạn của hội đồng quản trị đã được quy định

<b>Điều 9. Chế độ làm việc của HDQT</b>	<b>Điều 8. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị</b>	
<p>1. Tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của HDQT đều phải lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các thành viên HDQT (có thể dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại phiên họp HDQT hoặc biểu quyết dưới hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định).</p> <p>2. Cuộc họp của HDQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên trở lên có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p>3. Thành viên không tán thành có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp HDQT hoặc trên phiếu lấy ý kiến, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của HDQT sau khi HDQT đã thông qua.</p> <p>4. TGD Tổng Công ty tổ chức triển khai Nghị quyết, quyết định và các văn bản có liên quan của HDQT, trong khi triển khai nếu phát hiện những vấn đề vướng mắc thì TGD và các cá nhân có liên quan phải kịp thời báo cáo HDQT để giải quyết.</p> <p>5. Thành viên HDQT chuyên trách làm việc trên cơ sở tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty; không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của TGD; tôn trọng quyền kiểm tra, giám sát của BKS. Thành viên HDQT chuyên trách và TGD phải phối hợp hoạt động theo</p>	<p>1. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể Hội đồng quản trị với quyền hạn, trách nhiệm cá nhân từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết đồng ý/không đồng ý của các thành viên Hội đồng quản trị ngang nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị có giá trị quyết định.</p> <p>3. Trừ trường hợp bất khả kháng và trở ngại khách quan, mọi quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều phải lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị (có thể dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại phiên họp Hội đồng quản trị hoặc biểu quyết dưới hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định).</p> <p>4. Thành viên không tán thành có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc trên phiếu lấy ý kiến, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành</p>	<p>- Bổ sung Khoản 1, 2 trong Quy chế mới về chế độ làm việc</p> <p>- Khoản 3 trong quy chế mới được thêm trường hợp loại trừ khi bất khả kháng và trở ngại khách quan để đảm bảo quyền lợi cho thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị</p> <p>- Khoản 2, 4 quy chế cũ bỏ vì đây không phải quy chế làm việc mà là nội dung quy định cụ thể trong vấn đề tổ chức cuộc họp và triển khai nghị quyết</p> <p>- Bỏ 5, 6, 7 vì không phải thuộc quy chế hoạt động của hội đồng quản trị (đã chuyển điều chỉnh thành nguyên tắc ở Điều 3)</p>

**Điều 10. Các cuộc họp của HĐQT**

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. **Các cuộc họp thường kỳ:** Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. **Các cuộc họp bất thường:** Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) TGD hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
- b) Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;
- c) Chủ tịch HĐQT
- d) BKS;

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều

**Điều 9. Cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp, biểu quyết Hội đồng quản trị được tiến hành theo quy định tại Điều 30 và các quy định có liên quan tại Điều lệ Tổng Công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Biên bản cuộc họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập song song bằng tiếng Anh và có hiệu lực pháp lý như nhau. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

.....

- Bỏ nội dung điều 10, điều 12 điều chỉnh lại để phù hợp với Điều lệ  
- Điều 11 Quy chế cũ ghép với Điều 10 để tạo ra Điều 9 Quy chế mới, nội dung Điều 11 được đưa vào quy chế mới tương tự

<p>được đăng ký tại Tổng Công ty.</p> <p>8. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS và TGD như đối với thành viên HĐQT.</p> <p>9. Thành viên BKS, TGD không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>		
<p><b>Điều 11. Biên bản họp HĐQT</b></p> <p><b>Điều 13. Biểu quyết</b></p>		
<p><b>Điều 14. Nghị quyết của HĐQT</b></p> <p>2. Một số vấn đề trọng yếu, HĐQT thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên HĐQT trở lên bỏ phiếu tán thành gồm:</p> <p>h) Thông qua để trình DHDCEĐ việc đầu tư, mua sắm hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</p>	<p><b>Điều 10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Một số vấn đề trọng yếu, Hội đồng quản trị thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên bỏ phiếu tán thành gồm:</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Những nội dung thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông cũng là những vấn đề có giá trị lớn, cũng từ 35% trở lên.</p>



<p><b>Điều 17. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT</b></p> <p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Quy chế này, thành viên HĐQT (kể cả thành viên BKS, TGD điều hành) có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>Điều 13. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:</p>	<p>Quy định về hội đồng quản trị nên không đề cập tới trách nhiệm báo cáo và thông tin của BKS, TGD điều hành; <i>bởi vì</i> trách nhiệm của BKS, TGD đã được đề cập trong Điều lệ</p>
<p><b>Điều 15 Thủ lao HĐQT</b></p>	<p><b>CHƯƠNG III</b> <b>BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p>Đã quy định trong điều lệ không nhắc lại</p>
<p><b>CHƯƠNG IV</b> <b>BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HĐQT</b></p>	<p><b>Điều 14. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>Căn cứ vào tình hình thực tiễn hoạt động của Tổng Công ty từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập bộ máy giúp việc, các tiêu chuẩn hoặc tương đương và ban hành Quy chế hoạt động riêng biệt cho từng bộ máy giúp việc, các tiêu chuẩn hoặc tương đương để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Quy định này mới bó buộc số lượng các tiêu chuẩn hoặc tương đương giúp việc của hội đồng quản trị; tùy theo nhu cầu công việc Chủ tịch hội đồng quản trị/hội đồng quản trị có thể thành lập</p>
<p><b>Điều 18. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT</b></p> <p>HĐQT thành lập một số ủy ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Ủy ban Nghiệp vụ</li><li>- Ủy ban Đầu tư</li><li>- Ủy ban Nhân sự</li></ul> <p>Căn cứ vào tình hình thực tiễn của Tổng Công ty từng thời kỳ Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập, kể cả thành lập thêm các Ủy ban khác và ban hành Quy chế hoạt động riêng biệt cho từng Ủy ban.</p>	<p><b>Điều 19. Bộ máy giúp việc HĐQT</b></p>	<p>Đã quy định cùng với Điều 14 ở trên</p>
<p><b>CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p><b>CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	